

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/08/2024

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Đức

2. Ông Võ Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Chiến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2024 về “Ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn X; sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn C, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; địa chỉ nơi cư trú: 1-1-50 N, D village, Ming Jian T, NanTou Country, R. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Huỳnh Văn X trình bày.

Tôi và chị L sống chung với nhau từ năm 2016 đến năm 2021. Việc sống chung là tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M - Huyện U - Tỉnh Kiên Giang từ ngày 21-4- 2016. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vào năm 2021 chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay còn tôi ở lại Việt nam, từ đó vợ chồng không gặp nhau và đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng về quan điểm sống, xa cách về mặt địa lý nên giữa tôi và chị L không còn tình cảm với nhau. Tôi và chị L cũng đã nhiều lần nói chuyện và hoà giải nhưng không

tìm được tiếng nói chung. Chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tôi nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.. Nay tôi yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Lam

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chúng tôi có một con chung là cháu Huỳnh Gia H, sinh ngày 18-09-2017 tôi đồng ý giao cho chị L nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H được 18 tuổi. Trong thời gian vợ tôi còn đang ở Đài Loan thì cháu H ở với tôi. Khi nào chị L về Việt Nam thì tôi gửi con lại cho chị L.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh X có đơn xin xét xử vắng mặt và đơn xin rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

2. Tại bản tự khai ngày 28-05-2024, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Tôi và anh X sống chung với nhau từ năm 2016 đến năm 2021. Việc sống chung là từ nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M - Huyện U - Tỉnh Kiên Giang từ ngày 21-4- 2016. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vào năm 2021 tôi đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay còn anh X ở lại Việt nam, từ đó vợ chồng không gặp nhau và đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng về quan điểm sống, xa cách về mặt địa lý nên giữa tôi và anh X không còn tình cảm với nhau. Tôi và anh X cũng đã nhiều lần nói chuyện và hoà giải nhưng không tìm được tiếng nói chung. Chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tôi nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc..

Tôi đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Văn X.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chúng tôi có một con chung là cháu Huỳnh Gia H, sinh ngày 18-09-2017 tôi đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H được 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có đơn xin rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

3. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn X được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.
-Về con chung: Giao cháu Huỳnh Gia H cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Anh X có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu hôn được 18 tuổi.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị L hiện đang cư trú, làm việc tại Đài Loan, còn anh Huỳnh Văn X đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Anh chị thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án và anh X có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với chị L, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung có yếu tố nước ngoài theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án anh X, chị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn xin rút ngắn thời gian giải quyết vụ án, đề nghị không tham gia hòa giải và công khai chứng cứ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân:

Anh X và chị L kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, Tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21-4- 2016. Như vậy, anh X và chị L đã xác lập quan hệ vợ chồng theo qui định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn anh X và chị L chung sống với nhau trong một thời gian. Sau đó, chị L chuyển sang sinh sống, làm việc ở Đài Loan cho đến nay. Chị L và anh X sống cách xa nhau nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc, động viên nhau trong cuộc sống nên tình cảm phai nhạt dần. Vì vậy, khi anh X có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị L cũng đồng ý, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh X, chị L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh X.

-Về con chung: Anh Huỳnh Văn X và chị Nguyễn Thị L có một con chung là cháu Huỳnh Gia H, sinh ngày 18-09-2017. Nay ly hôn anh X và chị L thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Gia H cho đến khi cháu Huỳnh Gia H thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Do chị L đang ở nước ngoài nên anh Huỳnh Văn X nhận trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Huỳnh Gia H cho đến khi chị L về Việt Nam với cháu H.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Văn X và chị Nguyễn Thị L thỏa thuận anh X sẽ cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Huỳnh Gia H thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

-Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự trình bày, họ tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Anh Huỳnh Văn X phải chịu án phí dân sự (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng.

-Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 25 Điều 3, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116; Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn X.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn X được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2.2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Gia H, sinh ngày 18-09-2017 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Huỳnh Gia H thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Tạm giao cháu Huỳnh Gia H cho anh Huỳnh Văn X trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi chị Nguyễn Thị L về Việt Nam thì anh X giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Văn X về việc cấp dưỡng cho cháu Huỳnh Gia H mỗi tháng 1.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng được anh Huỳnh Văn X thực hiện từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi cháu Huỳnh Gia H thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Huỳnh Văn X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000052 ngày 04-04-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; anh Huỳnh Văn X còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định

Riêng đương sự ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa HN-CTN, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Sỹ